

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 711./QĐ-ĐHNL ngày 26. tháng 8 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế)

Tên chương trình: Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Infrastructure Engineering)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Mã số: 52.58.02.11

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

Ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng nhằm trang bị cho người tốt nghiệp kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở và kiến thức kỹ thuật chuyên môn vững chắc, năng lực thực hành nghề nghiệp cao, có khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội, làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành KTCSTH, có chuẩn mực đạo đức cao trong nghề nghiệp, trung thành với Tổ quốc, phục vụ tốt đất nước và xã hội.

2. Thời gian đào tạo: 5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 154 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

6. Thang điểm: thang điểm 10 và chuyển điểm sang hệ chữ và hệ 4 theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
A		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	52
I		Lý luận chính trị	10
1	CTR1016	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2
2	CTR1017	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3
3	CTR1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	CTR1033	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
II		Giáo dục thể chất	
III		Giáo dục quốc phòng	
IV		Ngoại ngữ, Tin học, Khoa học tự nhiên, Công nghệ và MT	38
5	ANH1013	Ngoại ngữ không chuyên 1	3
6	ANH1022	Ngoại ngữ không chuyên 2	2
7	ANH1032	Ngoại ngữ không chuyên 3	2
8	CBAN11203	Toán cao cấp A1	3
9	CBAN11304	Toán cao cấp A2	4

10	CBAN11703	Xác suất Thống kê	3
11	CBAN10204	Hóa đại cương	4
12	CBAN11503	Vật lý đại cương	3
13	CBAN11604	Vật lý ứng dụng	4
14	CBAN11002	Tin học đại cương	2
15	KCCN13202	Hình họa	2
16	NHOC15302	Sinh thái và môi trường	2
17	KCCN24502	Kỹ thuật an toàn và môi trường	2
18	KCCN19202	Vẽ kỹ thuật	2
V		Khoa học xã hội và nhân văn	4
19	LUA1022	Nhà nước và pháp luật	2
20	KNPT14602	Xã hội học đại cương	2
B		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	
I		Kiến thức cơ sở ngành	35
I		Các học phần bắt buộc	29
21	KCCN20803	Cơ học lý thuyết	3
22	KCCN27004	Sức bền vật liệu	4
23	KCCN20703	Cơ học kết cấu	3
24	CKCS23102	Thủy lực cơ sở	2
25	CKCS23503	Vật liệu xây dựng tổng hợp	3
26	CKCS20502	Địa chất công trình	2
27	CKCS23202	Thủy văn công trình	2
28	TNMT25302	Trắc đạc công trình	2
29	KCCN23603	Kết cấu bê tông cốt thép	3
30	CKCS21302	Kết cấu thép 1	2
31	CKCS21903	Nền và móng công trình	3
2		Các học phần tự chọn (6/12)	6/12
32	KCCN24402	Kinh tế xây dựng	2
33	KCCN23002	Dự toán xây dựng	2
34	CKCS20302	Cơ học kết cấu nâng cao	2
35	CKCS21402	Kết cấu thép 2	2
36	CKCS23402	Tin học ứng dụng trong xây dựng	2
37	TNMT28302	Luật xây dựng	2
II		Kiến thức ngành	12
I		Các học phần bắt buộc	33
38	KCCN27603	Thiết kế cầu đường	3
39	CKCS20102	Cấp nước công trình	2
40	CKCS22902	Thoát nước công trình	2
41	KCCN25003	Kỹ thuật thi công và quản lý công trình	3
42	KCCN24202	Kiểm định công trình	2
43	CKCS22603	Thiết kế công trình thủy lợi	3
44	CKCS22802	Thiết kế nhà dân dụng và công nghiệp	2
45	CKCS21603	Kiến trúc dân dụng	3

46	TNMT28402	Quy hoạch và thiết kế đô thị	2
47	CKCS22703	Thiết kế cung cấp điện	3
48	CKCN24802	Kỹ thuật đồ họa	2
49	CKCS20602	Đồ án Quy hoạch KTCSHT	2
50	CKCS20702	Đồ án Thiết kế KTCSHT	2
51	CKCS20802	Đồ án Tổ chức thi công KTCSHT	2
2		Các học phần tự chọn (10/24)	10/24
52	CKCS22502	Thiết kế công trình ngầm	2
53	CKCS21002	Giám sát công trình	2
54	CKCN25602	Máy xây dựng	2
55	CKCN23702	Kết cấu nhà thép	2
56	CKCS21202	Kết cấu bê tông ứng suất trước	2
57	CKCS22102	Quản lý chất thải rắn	2
58	TNMT20702	Đánh giá tác động môi trường	2
59	CKCS20902	Động lực học công trình	2
60	CKCS22002	Phương pháp phân tử hữu hạn	2
61	CKCS22202	Quy hoạch giao thông đô thị	2
62	CKCS22402	Thi công đường ô tô	2
63	CKCS21702	Kỹ thuật chiếu sáng đô thị	2
III		Kiến thức bổ trợ	6
64	KNPT21602	Kỹ năng mềm	2
65	CKCS21802	Lập và quản lý dự án xây dựng	2
66	KNPT23002	Phương pháp tiếp cận khoa học	2
IV		Thực tập nghề nghiệp	8
67	CKCS23302	Tiếp cận nghề KTCSHT	2
68	CKCS22303	Thao tác nghề KTCSHT	3
69	CKCS23003	Thực tế nghề KTCSHT	3
V		Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế KLTN	10
1	CKCS21510	Khóa luận tốt nghiệp	10
2		Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp	10
70	CKCS20206	Chuyên đề tốt nghiệp KTCSHT	6
71	CKCS21102	Kết cấu bê tông cốt thép tổng hợp	2
72	CKCS20402	Công trình trên nền đất yếu	2
		KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	154

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Văn An